

Số: 02 /QCPH-STP-CTHADS

An Giang, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUY CHẾ PHỐI HỢP

**Công tác thi hành Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản
và giám sát hoạt động của Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý,
thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Phá sản năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2018/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao về việc quy định việc phối hợp trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản;

Thực hiện Văn bản số 86/BTTP-ĐGTS ngày 29/01/2019 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thi hành Nghị định số 22/2015/NĐ-CP,

Để giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định của Luật Phá sản, góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh. Sở Tư pháp và Cục Thi hành án dân sự tỉnh thông nhất ban hành quy chế phối hợp trong công tác giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản như sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp trong công tác thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản và giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản giữa Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan phối hợp) để

thực hiện quản lý và giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự.

2. Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp công tác giám sát hoạt động của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản giữa Sở Tư pháp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Phải chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời, tạo điều kiện hỗ trợ các bên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

CÁC NỘI DUNG PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

MỤC I. TRÁCH NHIỆM SỞ TƯ PHÁP

Điều 4. Phối hợp cung cấp thông tin trong công tác quản lý giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

a. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân;

b. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

c. Lập công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

d. Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 5. Rà soát, củng cố đội ngũ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

a. Hàng năm, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ở địa

phương, đề xuất các giải pháp để bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

b. Trường hợp có sự thay đổi, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì phải kịp thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

c. Rà soát, thống kê và báo cáo số liệu về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương; rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc diện thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tại địa phương và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo quy định.

Điều 6. Phối hợp Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong hoạt động giám sát đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

a. Khi tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo trong hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. Sở Tư pháp phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật;

b. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo thẩm quyền.

Điều 7. Thực hiện chế độ báo cáo

a. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư pháp về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương định kỳ hàng năm và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b. Báo cáo, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động và quản lý nhà nước hoạt động;

c. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

Điều 8. Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng công tác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương

Hàng năm, Sở Tư pháp lập kế hoạch dự trù kinh phí, phối hợp tổ chức tập huấn, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, biểu mẫu sử dụng trong hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và các tổ chức, cá nhân liên quan.

MỤC II. TRÁCH NHIỆM CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Điều 9. Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án

1. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là người phải thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc trả lương cho người lao động.

Thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án.

2. Trường hợp Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ việc phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án nhưng sau đó Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Phá sản thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định tạm đình chỉ thi hành án và ra quyết định tiếp tục thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 3 Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Trường hợp Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản, cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Phá sản nhưng sau đó Tòa án ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Phá sản và đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 95 Luật Phá sản thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án và ra quyết định tiếp tục thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 137 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 10. Chuyển giao, ra quyết định thi hành án, thẩm quyền của Chấp hành viên trong việc thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

1. Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản được chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực pháp luật.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên.

3. Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phân nghĩa vụ dân sự liên quan đến tài sản, buộc thực hiện công việc nhất định hoặc không được thực hiện công việc nhất định trong quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, cưỡng chế thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà Thẩm phán đã chỉ định tổ chức thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Điều 11. Giải thích quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

Trường hợp quyết định của Tòa án giải quyết phá sản có điểm chưa rõ, khó thi hành, không xác định được nội dung cụ thể thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị Tòa án đã ra quyết định giải quyết phá sản xem xét, giải thích theo quy định tại khoản 2 Điều 179 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 12. Phí chuyển tiền

Phí chuyển tiền khi Quản tài viên, Chấp hành viên, Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản do Tòa án hoặc cơ quan thi hành án dân sự mở tại ngân hàng được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản tại thời điểm thực hiện việc chuyển tiền.

Điều 13. Ủy thác thi hành án

Khi thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc ủy thác theo quy định tại các Điều 55, 56 và 57 Luật Thi hành án dân sự và Điều 16 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp ủy thác toàn bộ quyết định thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản cho duy nhất 01 cơ quan thi hành án dân sự thì cơ quan nhận ủy thác mở một tài khoản đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và thực hiện việc phân chia theo phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố phá sản. Trường hợp cơ quan ủy thác thi hành án đã mở tài khoản thì sau khi có thông báo nhận ủy thác, số tiền trong tài khoản (nếu có) được chuyển đến tài khoản mới của cơ quan nhận ủy thác để xử lý theo quy định; tài khoản mà cơ quan ủy thác đã mở được hủy bỏ.

Trường hợp ủy thác một phần quyết định của Tòa án giải quyết phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành vụ việc theo quy định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền, tài sản, cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác phải chuyển số tiền thu được vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác và thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác biết để thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố phá sản. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác hoàn thành sau khi kết thúc việc thi hành án đối với nội dung được ủy thác và chuyển tiền cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác.

Điều 14. Phối hợp trao đổi thông tin

Trong quá trình giám sát việc hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc có khó khăn, vướng mắc trong công tác phối hợp. Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh có văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC III. TRÁCH NHIỆM CHẤP HÀNH VIÊN

Điều 15. Định giá và định giá lại tài sản

1. Việc định giá và định giá lại tài sản trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế thu hồi nợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 73, Điều 98, Điều 99 Luật Thi hành án dân sự, các Điều 17, 25 và 26 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

2. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên quyết định việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá.

3. Trường hợp Chấp hành viên vẫn không ký được hợp đồng thẩm định giá thì yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tham khảo ý kiến của

cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực của tài sản trước khi xác định giá của tài sản thanh lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chấp hành viên, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện tham khảo ý kiến. Việc tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan phải lập thành văn bản hoặc biên bản có chữ ký của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn đó. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn không có ý kiến bằng văn bản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có ý kiến để Quản tài viên xác định giá tài sản kê biên.

4. Chấp hành viên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Phá sản ra quyết định về việc định giá lại tài sản đối với trường hợp thanh lý tài sản. Chi phí định giá lại tài sản thanh lý được thanh toán từ giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Trường hợp việc định giá lại tài sản do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phá sản, pháp luật về định giá tài sản dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản thì Chấp hành viên tham khảo ý kiến của Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan chuyên môn khác và có văn bản chỉ rõ lỗi của Quản tài viên, chi phí định giá lại tài sản do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chịu và được trừ vào chi phí Quản tài viên.

Điều 16. Bán tài sản

1. Việc bán tài sản trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế thu hồi nợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản được thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Thi hành án dân sự, Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

2. Việc bán tài sản trong trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Phá sản.

a. Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không lựa chọn được tổ chức bán đấu giá tài sản thì có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên quyết định việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản.

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức bán đấu giá tài sản về việc tài sản đưa ra bán đấu giá lần đầu nhưng không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc hết thời hạn thông báo bán tài sản nhưng không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo bằng văn bản đề nghị Chấp hành viên ra quyết định giảm giá tài sản để tiếp tục bán đấu giá. Chấp hành viên thực hiện việc giảm giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và có văn bản yêu cầu Quản tài viên tiếp tục tổ chức bán đấu giá tài sản.

Điều 17. Chấp hành viên giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi thực hiện thanh lý tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

1. Chấp hành viên có trách nhiệm giám sát hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong việc thực hiện thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 121 Luật Phá sản.

Chấp hành viên giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông qua việc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý báo cáo Chấp hành viên.

2. Nội dung giám sát của Chấp hành viên như sau:

a. Trước khi lựa chọn, thay đổi tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra thẩm định giá, bán đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá; lý do lựa chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá. Nếu thay đổi tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá thì báo cáo phải nêu rõ lý do thay đổi.

b. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải báo cáo ngay Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra thẩm định giá, bán đấu giá; quá trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá; lý do không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá.

Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn thì ngay sau khi nhận được các ý kiến tham khảo, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo ngay Chấp hành viên kết quả. Nội dung báo cáo nêu rõ ý kiến của các cơ quan chuyên môn và nêu rõ mức giá mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản lựa chọn.

c. Trước khi xác định giá của tài sản thanh lý, trong trường hợp tài sản thanh lý có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra xác định giá; lý do cần xác định giá; ý kiến của cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn về giá của tài sản thanh lý.

d. Ngay sau khi bán đấu giá tài sản không thành, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản đưa ra bán đấu giá; tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá; quá trình bán đấu giá tài sản; lý do bán đấu giá tài sản không thành.

đ. Trước khi bán tài sản không qua thủ tục bán đấu giá, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên. Nội dung báo cáo nêu rõ tài sản bán không qua thủ tục đấu giá, căn cứ để không đưa ra bán đấu giá.

e. Kết quả bán tài sản

Ngay sau khi bán được tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản báo cáo Chấp hành viên kết quả thanh lý tài sản. Đối với những tài sản thanh lý mà không bán được hết trong một lần thì khi bán được phần tài sản nào, Quản tài viên báo cáo Chấp hành viên về phần đó.

Báo cáo kết quả thanh lý tài sản có các nội dung chủ yếu sau: Ngày, tháng, năm; tên của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản; văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản; tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; hình thức bán tài sản; tài sản đã bán được, số tiền bán được; tài sản chưa bán được.

g. Xử lý tiền, tài sản sau khi bán tài sản

Ngay sau khi thu được tiền bán tài sản thanh lý, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải có văn bản báo cáo Chấp hành viên và chuyển tiền vào tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự do Chấp hành viên đã mở. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan thi hành án dân sự nhận được tiền, Chấp hành viên phải thực hiện việc thanh toán tiền cho các đương sự. Thủ tục thanh toán, xử lý tiền đương sự chưa nhận thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp Chấp hành viên phát hiện Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không khách quan trong quá trình thanh lý tài sản thì Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện đúng quy định hoặc có văn bản đề xuất Tòa án thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Phá sản.

Trường hợp hành vi vi phạm quy định về pháp luật về phá sản, pháp luật về định giá tài sản dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Trường hợp Tổ quản lý, thanh lý tài sản được thành lập theo Luật Phá sản năm 2004 chưa bị giải thể thì Chấp hành viên đề nghị Tòa án có thẩm quyền tiến hành chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 131 Luật Phá sản năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP. Trường hợp Tòa án không chỉ định Quản tài viên thì Chấp hành viên tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Phá sản năm 2014.

Điều 18. Xử lý đối với tài sản thanh lý đã tổ chức bán trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp hợp tác xã phá sản

Trường hợp Thẩm phán quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Phá sản nhưng không bán được sau đó Thẩm phán mới ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành thì Chấp hành viên yêu cầu Quản tài

viên tổ chức định giá tài sản theo quy định tại Điều 122, 123 Luật Phá sản và bán đấu giá tài sản theo quy định.

Điều 19. Giao tài sản, giấy tờ cho người mua được tài sản thanh lý

1. Sau 30 ngày kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không giao được tài sản, giấy tờ cho người trúng đấu giá thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có văn bản đề nghị và bàn giao toàn bộ giấy tờ cho cơ quan thi hành án dân sự để thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản, giấy tờ.

2. Trong thời hạn không quá 30 ngày, trường hợp khó khăn phức tạp thì không quá 60 ngày kể từ ngày nhận bàn giao từ Quản tài viên, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản, giấy tờ cho người mua được tài sản thanh lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc cưỡng chế giao tài sản, giấy tờ.

Điều 20. Phân chia tài sản sau khi bán đấu giá tài sản thanh lý

Chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 120 Luật Phá sản năm 2014. Trường hợp giá trị tài sản thanh lý không đủ để thanh toán do không bán được hết tài sản hoặc tài sản giảm giá trị thì sau khi trừ đi các khoản chi phí theo quy định, các đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ tương ứng.

Điều 21. Bàn giao tài sản mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không bán được

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 121 của Luật Phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản báo cáo bằng văn bản với Chấp hành viên về chấm dứt thanh lý tài sản, kèm theo danh sách các tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã chưa thanh lý được và bàn giao toàn bộ giấy tờ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã cho Chấp hành viên để xử lý, thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật. Chấp hành viên thực hiện việc định giá, bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Điều 22. Phí thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản

Người được thi hành án trong quyết định của Tòa án giải quyết phá sản phải nộp phí thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 60 Luật Thi hành án dân sự và Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự.

Đối với khoản tiền, tài sản chi trả cho người được thi hành án do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thu được từ việc bán tài sản thanh lý.

Trường hợp Tổ quản lý, thanh lý tài sản được thành lập theo Luật Phá sản năm 2004 chưa bị giải thể thì Chấp hành viên đề nghị Tòa án có thẩm quyền tiến hành chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều

131 Luật Phá sản năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP. Trường hợp Tòa án không chỉ định Quản tài viên thì Chấp hành viên tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Phá sản năm 2014 thì cơ quan thi hành án dân sự không thu phí thi hành án.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh trong phạm vi, chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện quy chế này.

Điều 24. Cơ quan thường trực

Giao các cán bộ đầu mối, đơn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất lãnh đạo cơ quan xử lý những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện.

Hàng năm, tổ chức họp hoặc có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời xử lý vướng mắc, khó khăn khi thực hiện các nội dung phối hợp trong quy chế.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh đến Sở Tư pháp để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết.


CỤC THỰC HÀNH AN DÂN SỰ
CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Huy Thanh

SỞ TƯ PHÁP
KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung

Nơi nhận:

- Cục BTTP - BTP (Để biết);
- Cục Công tác phía Nam (Để biết);
- TT.HĐND tỉnh (Để biết);
- Ban Nội chính TU (Để biết);
- UBND tỉnh (Để biết);
- Ban Giám đốc Sở;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, BTTP.